TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 300/2024/HS-ST
Ngày 24-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh H tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 334/2024/TLST-HS ngày 30/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2024/QĐXXST-HS ngày 04/12/2024, đối với bị cáo:

Lê Đức H (B) – Sinh năm: 1997; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Châu – đã chết và bà Trần Thị Tuyết – đã chết; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: 1/ Ông **Lê Xuân T** – sinh năm 1992

2/ Bà **Lê Thị Trúc Q** – sinh năm 1994

Đồng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, thành phố T, tỉnh H.

Ông T có mặt, bà Q có đơn xin vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà **Trương Thị Huỳnh A** – sinh năm 1969

Địa chỉ: 369/9 đường P, phường L, thành phố T, tỉnh H.

Có đơn xin vắng mặt

2/ **Công ty TNHH A.Q H**

Địa chỉ: đường H, thôn L, xã Đ, thành phố T, tỉnh H

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lê Q – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Q: Ông Lê Xuân T - giấy ủy quyền số 03/UQ-TNHH ngày 23/8/2024

Ông T có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức H và đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân lai lịch) là bạn bè quen biết ngoài xã hội, do không có nghề nghiệp và cần tiền tiêu xài cá nhân nên H và T rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/11/2023, T và H đi đến thôn L, xã Đ, thành phố T phát hiện thấy bên trong sân nhà anh Lê Xuân T có dựng 02 chiếc xe máy hiệu Honda Winner, màu đen bạc đồng, biển kiểm soát 79N2-741.93 và xe máy hiệu Honda Future màu đỏ đen biển kiểm soát 79N1-583.12 và trên xe vẫn đang cắm chìa khóa trên ổ khóa xe. Lúc này, H đứng ngoài cảnh giới để T leo vào bên trong sân phá khóa cửa cổng, rồi dắt trộm 02 chiếc xe ra bên ngoài. T điều khiển xe Future, biển kiểm soát 79N1-583.12, H điều khiển xe Winner biển kiểm soát 79N2-741.93 đi đến khu vực cầu T, xã Đ cất giấu. Đến sáng cùng ngày, T đem 02 chiếc xe trộm cắp được đi bán cho người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) được số tiền 5.000.000 đồng, rồi chia cho H 2.500.000 đồng, số tiền trên H đã tiêu dùng cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 272/KL-HĐ ĐGTS ngày 01/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: xe máy hiệu Honda Winner màu đen vàng đồng biển kiểm soát 79N2-741.93 có giá trị là 27.930.000 đồng và xe máy hiệu Honda Future màu đỏ đen biển kiểm soát 79N1-583.12 có giá trị là 7.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Lê Đức H trộm cắp có giá trị là 35.530.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 283/CT-VKSNT ngày 25/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh H đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H để xét xử đối với bị cáo Lê Đức H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại ông Lê Xuân T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 27.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Đức H bồi thường cho bị hại số tiền 27.000.000 đồng; bị cáo H phải chịu án phí theo quy định.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Lê Đức H đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại bà Lê Thị Trúc Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bà đồng ý với ý kiến của chồng là ông Lê Xuân T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương Thị Huỳnh A có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ Luật tố tụng Hình sự.

[3]. Về tội danh: Bị cáo Lê Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 283/CT-VKSNT ngày 25/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Lê Đức H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi: Hành vi của bị cáo Lê Đức H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc, cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phát huy hiệu quả phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại – ông Lê Xuân T yêu cầu bị cáo Lê Đức H bồi thường với số tiền 27.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường với số tiền 27.000.000 đồng cho bị hại nên ghi nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo Lê Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Đối với đối tượng tên Tuấn đã cùng thực hiện hành vi trộm cắp với Lê Đức H được hiện nay chưa xác minh được nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức H ***01 (một) năm tù*** về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Lê Đức H phải bồi thường cho ông Lê Xuân T và bà Lê Thị Trúc Q 27.000.000 đồng (*hai mươi bảy triệu đồng).*

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; buộc bị cáo Lê Đức H phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 1.350.000 đồng *(một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. T;*
- *VKSND tỉnh H;*
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *Cơ quan điều tra Công an TP. T;*
- *TAND tỉnh H;*
- *Sở Tư pháp tỉnh H;*
- *Chi cục THADS TP. T;*
- *Lưu án văn, hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung